

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22/7/2021

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Hoàng Lan Chi**

*Các Hội thẩm nhân dân:* **1. Bà Nguyễn Thị Xuân Phương**

**2. Ông Lê Văn Châu**

**- Thư ký phiên tòa:** **Bà Đinh Thị Thủy** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa:** **Ông Đỗ Minh Tuấn** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 47/2021/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 về việc: Tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2021/QĐXX-ST ngày 22 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08/7/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Hoàng Anh T** – Sinh năm: 195X

Hộ khẩu thường trú: Phố T, phường H, quận K, Hà Nội

Tạm trú: Chung cư N, phường T, quận H, Hà Nội. *(Có mặt)*

2. Bị đơn: **Bà Phạm Thị Bích H** – Sinh năm: 196X

Hộ khẩu thường trú và cư trú: Phố M, phường V, quận H, Hà Nội. *(Vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại Đơn xin ly hôn ngày 18/12/2020, Đơn trình bày ngày 04/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông Hoàng Anh T trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị Bích H kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/3/198X tại UBND phường C, quận H, Hà Nội. Trước đó ông đã có vợ nhưng đã ly hôn. Sau khi kết hôn ông bà chung sống tại phố T, phường H, quận K, Hà Nội. Đến năm 1994 ông bà chuyển về ở tại phố M, quận H, Hà Nội.

Trong quá trình chung sống đến năm 2005 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do tính cách, cách sống, quan điểm sống không phù hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có lòng tin ở nhau, không có sự tôn trọng lẫn nhau, không quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống, không thống nhất được các công việc lớn nhỏ trong gia đình, thường xuyên xảy ra cãi nhau làm ảnh hưởng đến con cháu. Ông đã cố gắng rất nhiều vì nghĩ đến các con, các cháu nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, căng thẳng hơn, mất lòng tin hoàn toàn ở nhau, xúc phạm lẫn nhau, không nói chuyện trao đổi, thậm chí không muốn nhìn mặt nhau nữa. Vợ chồng tuy vẫn sống chung cùng nhà nhưng đã ly thân từ năm 2011 đến nay. Từ tháng 5/2018 ông bà sống tách riêng độc lập, mỗi người ở một nơi, ông ở nhà riêng của ông ở phố T còn bà H ở phố M cùng con trai, không có sự quan tâm đến nhau nữa, việc ai người đó làm.

Đến nay, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H để ông được thanh thản, ổn định cuộc sống lúc tuổi già.

Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung là: Hoàng Anh T – Sinh ngày 22/01/198X và Hoàng Phương H – Sinh ngày 03/02/198X. Cả hai con chung đều đã trưởng thành, đều đã có gia đình riêng, ông không có yêu cầu gì về con.

Về tài sản chung và nhà ở chung: Ông bà tự giải quyết, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Ông T xác định vợ chồng không có công nợ chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Tại Bản tự khai ngày 25/01/2021, bị đơn – bà Phạm Thị Bích H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Hoàng Anh T kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/3/198X tại UBND phường C, quận H, Hà Nội. Trước đó ông T đã có vợ nhưng đã ly hôn, còn bà kết hôn lần đầu. Sau khi kết hôn ông bà chung sống ở nhiều nơi. Quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn mà chỉ có mâu thuẫn nhỏ nhặt trong sinh hoạt gia đình. Ông T có tính hay ghen tuông, hay nâng cao quan điểm đối với mỗi sự việc. Trước đây bà cứ đi cùng ai là đàn ông thì ông T ghen tuông và cho rằng bà có quan hệ với người đó nhưng thực tế bà không có quan hệ với người đàn ông nào khác. Từ việc này mới dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và có xảy ra cãi vã, ông T có đánh bà nhiều lần, bà đã nói chuyện phân tích khuyên giải nhiều lần nhưng ông T không nghe mà vẫn cư xử với bà như vậy. Từ tháng 5/2018 mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng hơn nên ông T bỏ đến nhà khác ở tại Chung cư N phố T, còn bà vẫn ở tại nhà ở phố M. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Bà và các con đã nói chuyện khuyên giải ông T về nhà nhưng ông T không về.

Đến nay ông T nộp đơn xin ly hôn ra Tòa án thì ý kiến của bà H là không đồng ý ly hôn vì bà xác định vẫn còn tình cảm với ông T, các con đã lớn, đã có

cháu nội, cháu ngoại, ông bà đều đã lớn tuổi, nên bà không muốn ly hôn, bà đề nghị Tòa án hòa giải để ông T rút đơn ly hôn để gia đình bà được đoàn tụ.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là: Hoàng Anh T – Sinh ngày 22/01/198X và Hoàng Phương H – Sinh ngày 03/02/198X. Cả hai con chung đều đã trưởng thành, đều đã có gia đình riêng, bà không có yêu cầu gì về con.

Về tài sản chung và nhà ở chung: Nếu trường hợp phải ly hôn, bà và ông T tự thỏa thuận giải quyết, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Bà H xác định vợ chồng không có công nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

**Tại phiên tòa:**

- Ông T vẫn giữ nguyên vọng xin ly hôn. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu và ngày càng trầm trọng, căng thẳng hơn, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, mất lòng tin hoàn toàn ở nhau, xúc phạm lẫn nhau, không nói chuyện trao đổi, thậm chí không muốn nhìn mặt nhau nữa. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Từ tháng 5/2018 ông bà sống tách riêng, mỗi người ở một nơi, không có sự quan tâm đến nhau, việc ai người đó làm, không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ được nữa, cuộc sống vô cùng mệt mỏi, nặng nề, mâu thuẫn kéo dài không giải quyết được. Ông T đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H để ông được thanh thản, ổn định cuộc sống lúc tuổi già. Về con chung, tài sản chung, nhà ở chung, công nợ, ông T vẫn giữ nguyên vọng như đã trình bày. Ngoài ra ông không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng quy định, đảm bảo thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn có lời khai không đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa án giải quyết vì vậy Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án ly hôn. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện và xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Hoàng Anh T đối với bà Phạm Thị Bích H. Về con chung, cả hai con chung đều đã trưởng thành nên không xét. Về tài sản chung, nhà ở chung, về công nợ, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí, ông T là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

### **[1] Về tố tụng:**

Tại Đơn xin ly hôn thể hiện bị đơn – bà Phạm Thị Bích H có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: phố M, phường V, quận H, Hà Nội. Vì vậy, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân gia đình trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã nhiều lần Thông báo các đương sự đến để hòa giải, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự theo quy định của pháp luật, nhưng bà H không có mặt do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án hôn nhân gia đình.

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Phạm Thị Bích H theo quy định pháp luật nhưng bà H vẫn vắng mặt lần hai không có lý do chính đáng, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

### **[2] Về nội dung vụ án:**

2.1. Về hôn nhân: Ông Hoàng Anh T và bà Phạm Thị Bích H kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/3/198X tại UBND phường C, quận H, Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân của ông T và bà H:

Ông T và bà H đều xác nhận quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do tính cách, cách sống, quan điểm sống không phù hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không nói chuyện, chia sẻ được với nhau, không có lòng tin ở nhau, không có sự tôn trọng lẫn nhau, mâu thuẫn xảy ra đã nhiều năm, kéo dài không giải quyết được. Từ tháng 5/2018 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, căng thẳng hơn nên ông T đã chuyển đến nhà khác ở tại Chung cư N phố T để tránh va chạm nhau, còn bà H vẫn ở tại nhà phố M. Vợ chồng sống tách riêng mỗi người ở một nơi, không có sự quan tâm đến nhau và ly thân từ đó cho đến nay.

Đến nay ông T nộp đơn xin ly hôn ra Tòa án, ý kiến của bà H là không đồng ý ly hôn, bà xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng bà vẫn còn tình cảm với ông T, các con đã lớn, đã có cháu nội, cháu ngoại, ông bà đều đã lớn tuổi, nên bà không muốn ly hôn, bà đề nghị Tòa án hòa giải để ông T rút đơn ly hôn để gia đình bà được đoàn tụ.

Mặc dù bà H đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ nhưng quá trình giải quyết, Tòa án đã nhiều lần báo bà H đến Tòa án để hòa giải nhưng bà H không đến do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được. Bản thân bà H không đồng

ý ly hôn nhưng bà cũng không tìm biện pháp tích cực nào để cải thiện tình cảm vợ chồng, để khắc phục mâu thuẫn.

Tài liệu do Toà án thu thập chứng cứ tại địa phương nơi ông T, bà H sinh sống thể hiện: Quá trình ông bà chung sống không có hạnh phúc, luôn phát sinh mâu thuẫn và kéo dài căng thẳng từ hơn 10 năm nay, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách khác nhau, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau nên thường xuyên xảy ra tranh cãi, tổ dân phố và ban hòa giải khu dân cư đã tiến hành hòa giải hai lần nhưng không thành, sau đó chuyển lên phường tổ chức hòa giải tiếp nhưng vẫn không có kết quả. Từ năm 2018 tình trạng vợ chồng căng thẳng hơn nên ông bà không sống cùng nhau nữa, ông T đã chuyển về nhà khác ở tại phố T, còn bà H vẫn ở tại nhà phố M cùng vợ chồng con trai.

Hội đồng xét xử xét thấy, lời khai của ông bà về mâu thuẫn vợ chồng cũng phù hợp với tài liệu Toà án thu thập chứng cứ tại địa phương nơi ông bà sinh sống. Xét tình trạng hôn nhân của ông T và bà H là căng thẳng, mâu thuẫn đã trầm trọng không giải quyết khắc phục được, cuộc sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không chung sống với nhau, đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không thực hiện các nghĩa vụ tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của ông T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà H không đồng ý ly hôn nhưng bà cũng không tìm giải pháp tích cực nào để cải thiện mối quan hệ vợ chồng, vì vậy ý kiến của bà H không có cơ sở chấp nhận.

2.2. Về con chung: Ông T và bà H có 02 con chung là: Hoàng Anh T – Sinh ngày 22/01/198X và Hoàng Phương H – Sinh ngày 03/02/198X. Cả hai con chung đều đã trưởng thành, đều đã có gia đình riêng, ông bà không có yêu cầu gì về con. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về tài sản chung, nhà ở chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Về công nợ: Ông bà xác định không nợ chung ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Ngoài ra ông T, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác nên Hội đồng xét xử không xét.

2.5. Về án phí và quyền kháng cáo:

Ông T là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí, ông T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp.

Ông T, bà H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

***Từ những nhận định trên,***

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 72; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1 Điều

220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

**Xử:**

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Hoàng Anh T đối với bà Phạm Thị Bích H. Ông T được ly hôn bà H.

2. Về con chung: Ông T và bà H có 02 con chung là: Hoàng Anh T – Sinh ngày 22/01/198X và Hoàng Phương H – Sinh ngày 03/02/198X. Cả hai con chung đều đã trưởng thành, đều đã có gia đình riêng, ông bà không có yêu cầu gì về con. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về công nợ: Ông bà xác định không nợ chung ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí: Ông Hoàng Anh T được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Hoàn trả ông Hoàng Anh T số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2019/0003928 ngày 12/01/2021 của Cơ quan Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt ông Hoàng Anh T, vắng mặt bà Phạm Thị Bích H. Ông T có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà H có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
  - VKSND Q.Hai Bà Trưng;
  - TAND TP.Hà Nội;
  - VKSND TP.Hà Nội;
  - Chi cục THADS Q.Hai Bà Trưng;
  - UBND phường C, quận H, Hà Nội
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 64/CN ngày 22/3/1984)
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Lan Chi**

